

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ BẢO VỆ NAM THẮNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ BẢO VỆ NAM THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109886259

**3. Ngày thành lập:** 13/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn 7 , Xã Phú Cát, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982818282

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, | 4520     |
| 2.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                          | 4542     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                          | 4610     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(trừ loại Nhà nước cấm)<br>Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)<br>Bán buôn hoa và cây<br>Bán buôn hoa và cây                                | 4620     |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>( Trừ kinh doanh dịch vụ quán bar, karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                   | 4633     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không bao gồm hoạt động báo chí)                                                                                                                                                               | 8230     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                           | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                      | 6810 |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                           | 1629 |
| 11. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                          | 4774 |
| 12. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                   | 4781 |
| 13. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                           | 4782 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |
| 15. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). | 4799 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                | 4931 |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                           | 4932 |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 19. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                  | 5011 |
| 20. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương<br>Vận tải hàng hóa ven biển                                                                                                                                                                                                                               | 5012 |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5210 |
| 22. | Bốc xếp hàng hóa<br>Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không                                                                                                                                                                                                                                           | 5224 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Dịch vụ trông giữ phương tiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5225        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Gửi hàng<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn;                                                                                                                                                                                                                                                               | 5229        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.<br>- Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.                                                                                                                                                                     | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5630        |
| 28. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>- Đồ dệt, trang phục và giày dép;<br>- Đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng;<br>- Đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo...;<br>- Sách, tạp chí;<br>- Máy móc và thiết bị sử dụng bởi những người nghiệp dư hoặc có sở thích riêng như các dụng cụ cho sửa chữa nhà;<br>- Hoa và cây;<br>- Thiết bị điện cho gia đình. | 7729        |
| 29. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển;<br>- Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;                                                                         | 7730        |
| 30. | Hoạt động bảo vệ tư nhân<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ Bảo vệ<br>- Dịch vụ bảo vệ an toàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8010(Chính) |
| 31. | Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8020        |
| 32. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4763        |

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ XUÂN TÝ              | Tổ 24, Phường<br>Kim Tân, Thành<br>phố Lào Cai, Tỉnh<br>Lào Cai, Việt<br>Nam                                                       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       | 0250600071<br>60                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN<br>DUY<br>THƯỜNG | W 805, TT/Tây<br>Indochina Plaza,<br>241 Xuân Thủy,<br>Phường Dịch<br>Vọng Hậu, Quận<br>Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       | 0340710056<br>58                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    | Tổng số                            | 35.000        | 350.000.000              | 35,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                                        |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>DIỄM HẰNG | Số nhà 12 ngõ<br>351 đường Âu<br>Cơ, Phường Nhật<br>Tân, Quận Tây<br>Hồ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 0251830010<br>66 |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                        | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                        | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                        | Tổng số                            | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ XUÂN TÝ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/10/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 025060007160

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 24, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 24, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội